

Số: 18 /2020/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 01 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 386/TTr-STNMT ngày 24 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 như sau:

“b) Đối với đất rừng sản xuất:

Khu vực thuộc Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng và theo Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là đất rừng sản xuất thì diện tích tối thiểu không nhỏ hơn 03 ha (ba hecta);

Khu vực nằm ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng và theo Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, Quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là đất nông nghiệp (không phải là đất rừng sản xuất) hoặc đất phi nông nghiệp thì diện tích tối thiểu tách thửa thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND.

c) Có bề rộng (hoặc chiều rộng) và chiều sâu (hoặc chiều dài) thửa đất bằng hoặc lớn hơn 05m (năm mét).

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Đối với đất ở: Tại vị trí thửa đất đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông và tuyến cấp điện hoặc cấp thoát nước) phù hợp với quy hoạch xây dựng, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật trong khu vực (trừ đất ở tại khu vực nông thôn). Đồng thời, diện tích tối thiểu của thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại sau khi trừ diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình hoặc chỉ giới xây dựng phải đảm bảo các điều kiện sau:

Tại các phường, thị trấn: Diện tích tối thiểu thửa đất là 40m² (bốn mươi mét vuông) và chiều sâu (hoặc chiều dài) của thửa đất tính từ chỉ giới xây dựng bằng hoặc lớn hơn 04m (bốn mét). Trong đó, bề rộng (hoặc chiều rộng) của thửa đất bằng hoặc lớn hơn 04m (bốn mét) đối với các tuyến đường có lộ giới nhỏ hơn 19m (mười chín mét); bằng hoặc lớn hơn 05m (năm mét) đối với các tuyến đường có lộ giới từ 19m (mười chín mét) trở lên.

Tại các xã: Diện tích tối thiểu thửa đất là 50m² (năm mươi mét vuông); trong đó, bề rộng (hoặc chiều rộng) của thửa đất bằng hoặc lớn hơn 4,5m (bốn phẩy năm mét), chiều dài của thửa đất bằng hoặc lớn hơn 05m (năm mét)”.

3. Bãi bỏ khoản 6 của Điều 4.

4. Bổ sung khoản 8 Điều 5 như sau:

“8. Thửa đất nông nghiệp thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình hoặc chỉ giới xây dựng”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“a) Trường hợp người sử dụng đất xin tách thửa đất mà thửa đất bao gồm có đất ở và đất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành hoặc các Giấy chứng nhận cấp đổi, cấp lại từ trường hợp này, thì không quy định diện tích tối thiểu đối với đất nông nghiệp, nhưng diện tích đất ở phải đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Chuyên viên các khối;
- Lưu: VT, L01.04, M.A11/10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi